TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VT** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/01/2025
"V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH VĨNH PHÚC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Triển;

2. Ông Phùng Văn Thông.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hải Yến – Thư ký Toà án nhân dân huyện VT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024, về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đào Thị D, sinh năm 1982, (vắng mặt);

Nơi cư trú: thôn YT, xã YB, huyện VT, Vĩnh Phúc;

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn X, sinh năm 1975, (vắng mặt);

Nơi cư trú: thôn YT, xã YB, huyện VT,Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 10 năm 2024, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà D trình bày: bà kết hôn với ông Trần Văn X ngày 15/4/2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã YB, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn bà và ông X được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm, ông X thường xuyên uống rượu và còn đánh đập, xúc phạm bà dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Năm 2012 bà đã gửi đơn xin ly hôn ông X, sau đó ông X xin lỗi bà đã rút đơn xin ly hôn cho ông X cơ hội để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau

nuôi dạy con. Tuy nhiên, ông X không thay đổi mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, tuy vẫn sống chung cùng nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông X, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Văn X.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là cháu Trần Thị T, sinh ngày 07/3/2000, cháu Trần Thị Minh H, sinh ngày 04/12/2009 và cháu Trần Huy K, sinh ngày 09/5/2014 và cháu Trần Duy L, sinh ngày 10/01/2023. Hiện nay, các con đang ở cùng với vợ chồng bà. Ly hôn bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, cháu K, cháu L và bà không đề nghị ông X cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu T đã thành niên bà không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Trần Văn X vắng mặt tại phiên toà nhưng trong quá trình giải quyết ông trình bày. Về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm vợ chồng như bà D trình bày là đúng. Tuy nhiên, ông xác định ông vẫn còn tình cảm với bà D, mong muốn bà D cho ông cơ hội để thay đổi bản thân cùng nhau nuôi dạy con nên ông không đồng ý ly hôn với bà D, trường hợp bà D nhất quyết ly hôn ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là cháu Trần Thị T, sinh ngày 07/3/2000, cháu Trần Thị Minh H, sinh ngày 04/12/2009; cháu Trần Huy K, sinh ngày 09/5/2014 và cháu Trần Duy L, sinh ngày 10/01/2023. Hiện nay, các con đang ở cùng với vợ chồng ông. Ly hôn bà D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, cháu K, cháu L và bà D không đề nghị ông cấp dưỡng nuôi con chung ông đồng ý. Đối với cháu T đã thành niên ông không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Biên bản xác minh ngày 13/12/2024 tại UBND xã YB thể hiện: Bà D, ông X đăng ký kết hôn ngày 15/4/2005 tại UBND xã YB, huyện VT trên cơ sở tự nguyện không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn thì bà D, ông X sinh sống và làm ăn tại xã YB, mâu thuẫn của vợ chồng bà D, ông X như thế nào địa phương không rõ. Về con chung bà D, ông X có 04 con chung là cháu Trần Thị T, sinh ngày 07/3/2000, cháu Trần Thị Minh H, sinh ngày 04/12/2009 và cháu Trần Huy K, sinh ngày 09/5/2014 và cháu Trần Duy L, sinh ngày 10/01/2023. Hiện nay, các con của ông X, bà D đang ở cùng với vợ chồng ông bà. Bà D xin ly hôn ông X và đề nghị giải quyết về con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của

pháp luật. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ của ông, bà địa phương không rõ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện VT không có yêu cầu hay kiến nghị gì và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đào Thị D. Xử cho bà Đào Thị D được ly hôn ông Trần Văn X.

Xử về nuôi con chung: giao cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là cháu Trần Thị Minh H, sinh ngày 04/12/2009 và cháu Trần Huy K, sinh ngày 09/5/2014 và cháu Trần Duy L, sinh ngày 10/01/2023 đến khi thành niên, ông X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà D. Người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về án phí ly hôn sơ thẩm đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Đào Thị D khởi kiện xin ly hôn ông Trần Văn X. Bị đơn ông X có nơi cư trú tại YT, xã YB, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Trần Văn X vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do, bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Đào Thị D và ông Trần Văn X là hôn nhân hợp pháp, được UBND xã YB, huyện VT đăng ký kết hôn. Theo bà D và ông X thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do vợ chồng không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm, ông X ham chơi, uống rượu, đánh đập và xúc phạm bà D. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng năm 2012 bà D đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn ông X, sau đó bà D rút đơn cho ông X cơ hội thay đổi để vợ chồng đoàn tụ

nuôi dạy con nhưng ông X không thay đổi vẫn ham chơi và xúc phạm bà X dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn, đến nay hai vợ chồng không quan tâm đến nhau. Ông X không đồng ý ly hôn nhưng quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông X cố tình vắng mặt tại buổi hoà giải và vắng mặt tại phiên toà, phần nào thể hiện ông X không có nguyện vọng hòa giải đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà D, ông X đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vì vậy đề nghị xin ly hôn của bà D là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về nuôi con chung: Bà D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là cháu Trần Thị Minh H, sinh ngày 04/12/2009 và cháu Trần Huy K, sinh ngày 09/5/2014 và cháu Trần Duy L, sinh ngày 10/01/2023 cho đến khi các con T niên, ông X đồng ý để bà D trực tiếp nuôi 03 con chung, cháu H và cháu K đều có nguyện vọng được ở cùng bà D. Do vậy, giao cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con là phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Bà D không đề nghị ông X cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên cần chấp nhận. Đối với cháu T đã thành niên ông bà không đề nghị Toà án giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: ông, bà không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử: Cho bà Đào Thị D được ly hôn ông Trần Văn X.

2/ Về nuôi con chung: Giao cho bà Đào Thị D được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Trần Thị Minh H, sinh ngày 04/12/2009; cháu Trần Huy K, sinh ngày 09/5/2014 và cháu Trần Duy L, sinh ngày 10/01/2023 cho đến khi thành niên. Hiện nay cháu H, K, L đang ở cùng ông X, bà D. Ông X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà D. Sau khi ly hôn ông X có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đào Thị D phải chịu 300.000đ án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0005185 ngày 06/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự VT. Bà D đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện VT;
- Chi cục THADS huyện VT;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Lê Thị Huyền